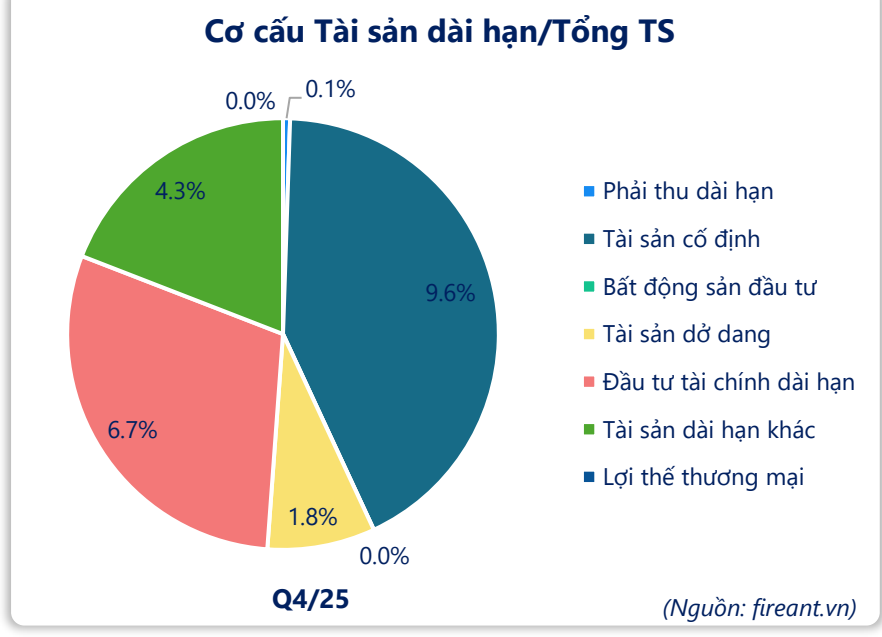
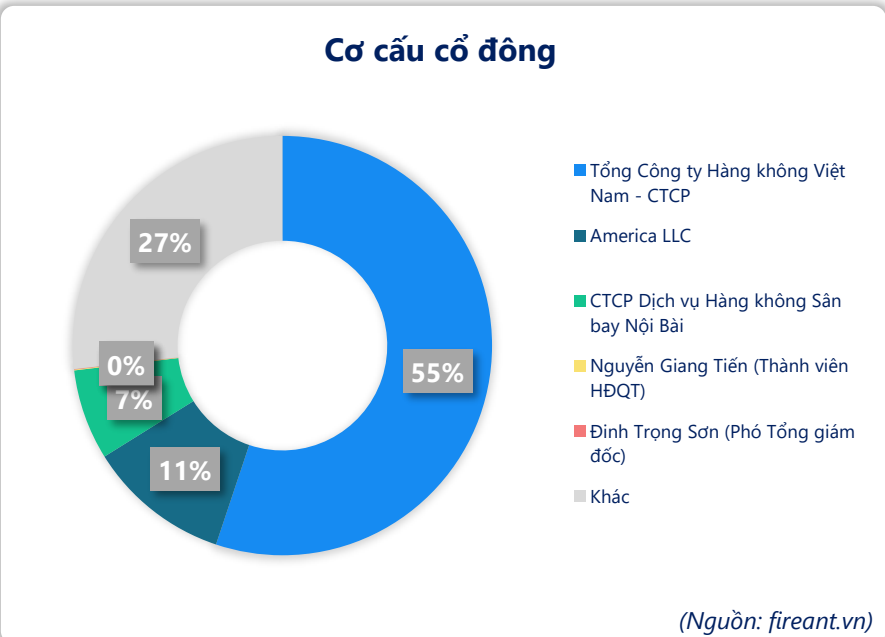
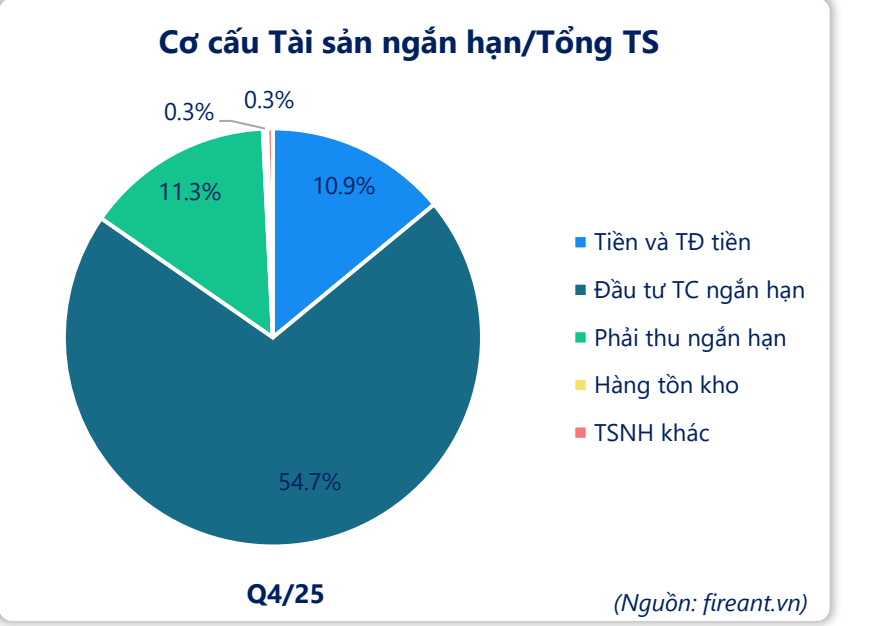
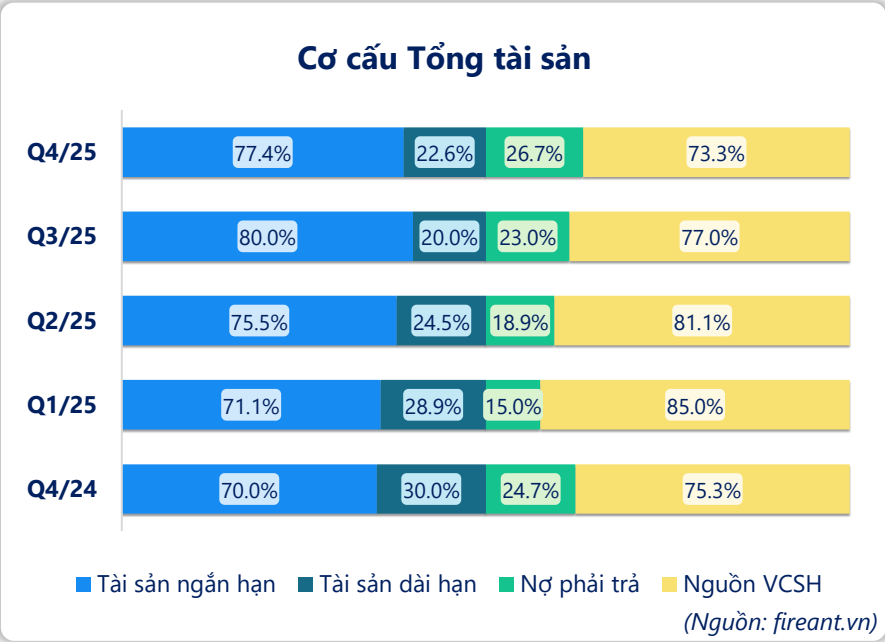
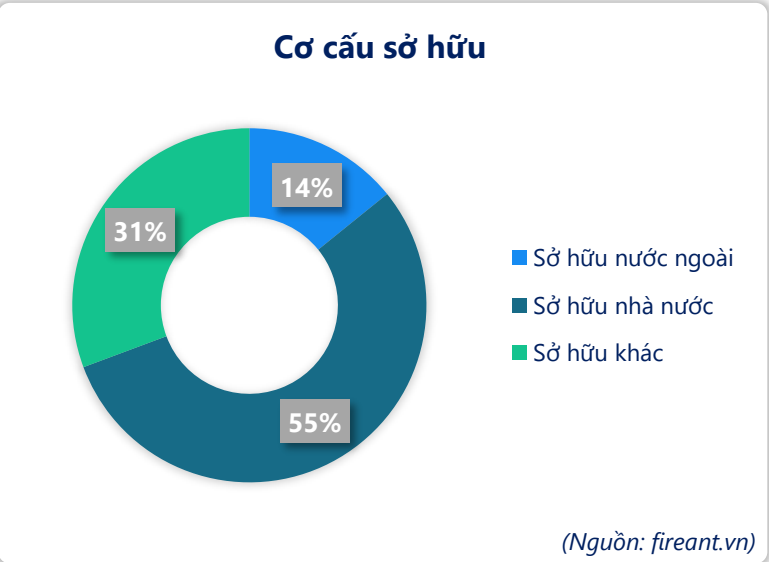
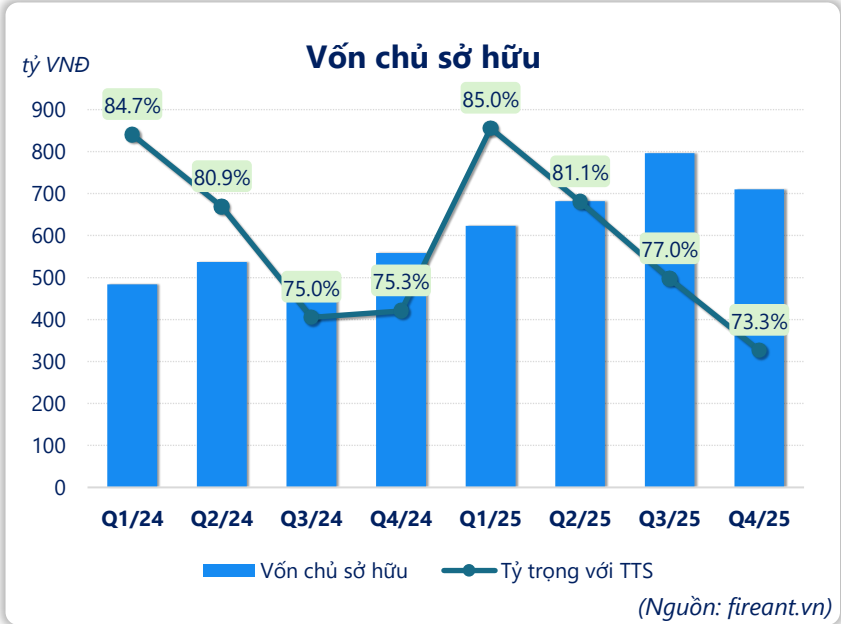
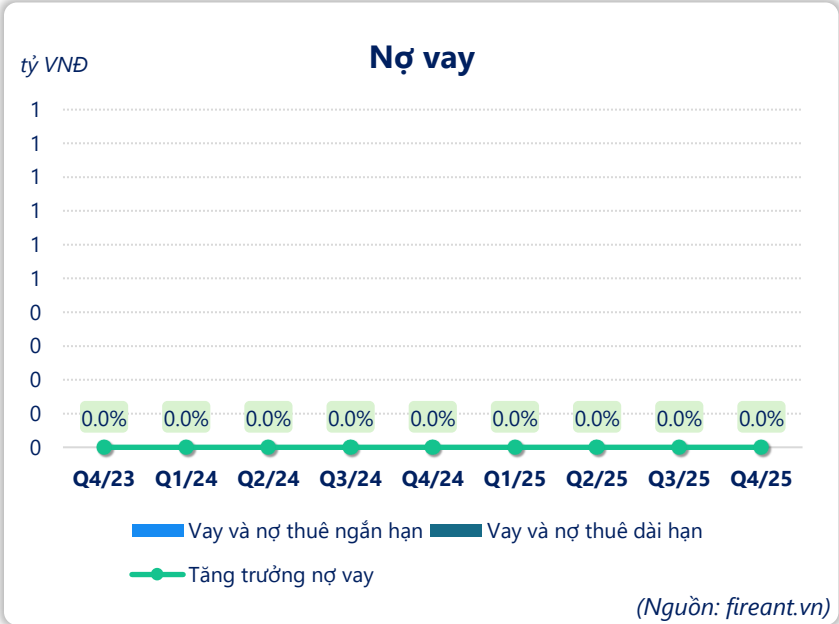
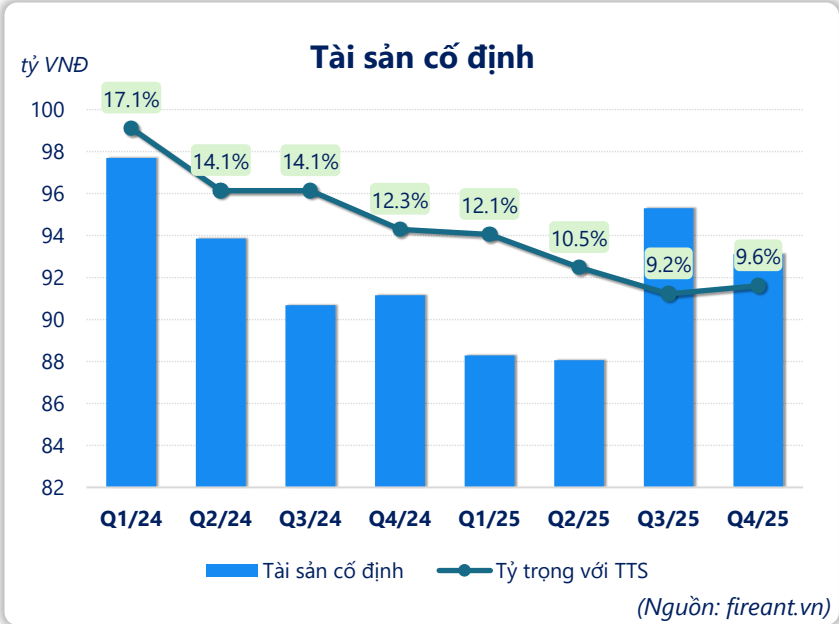
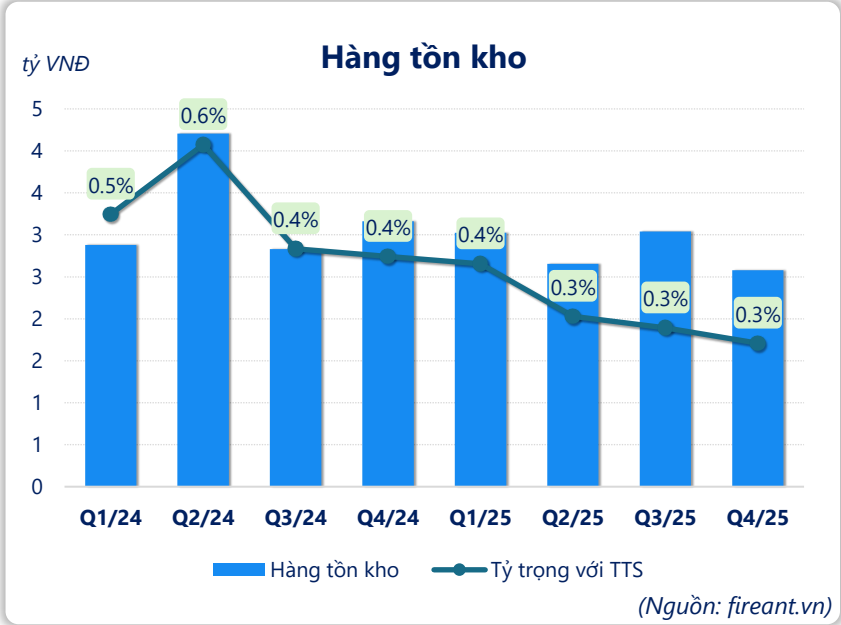
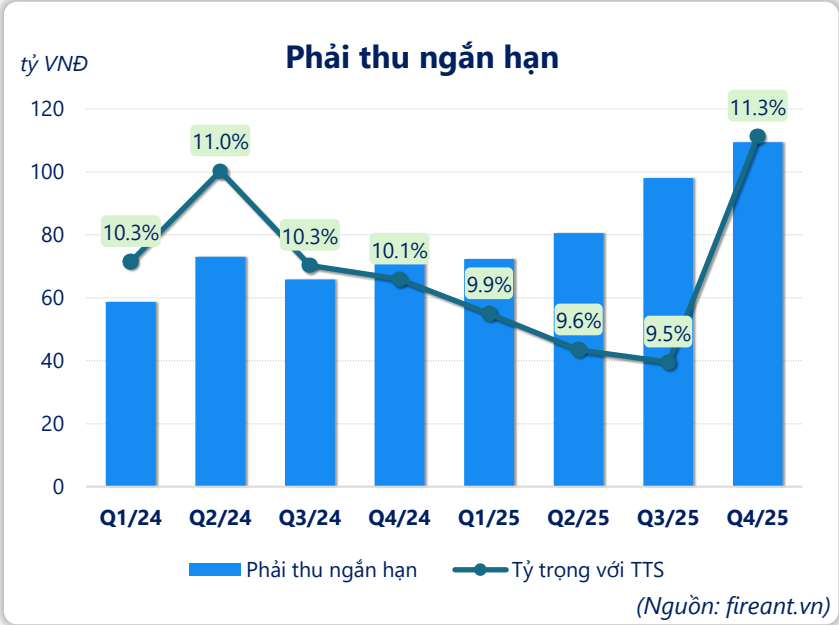
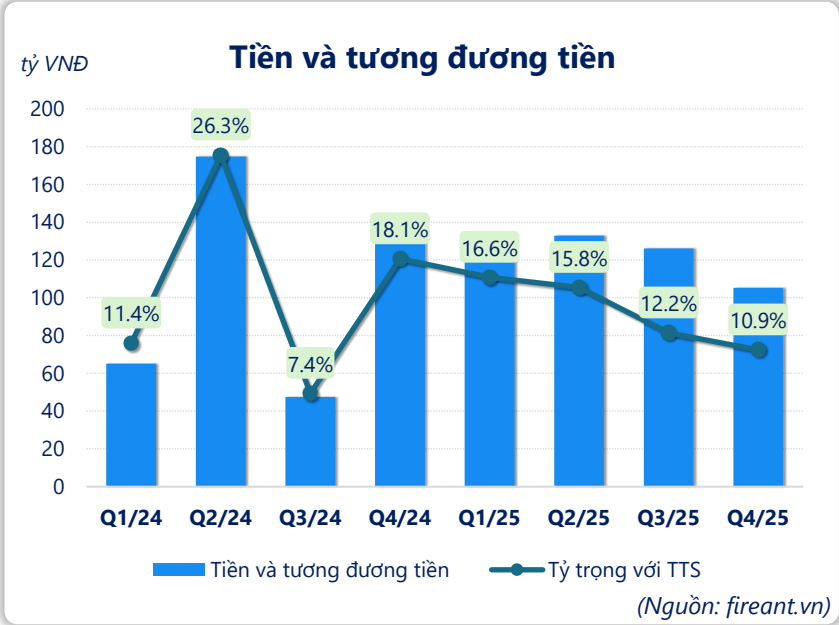
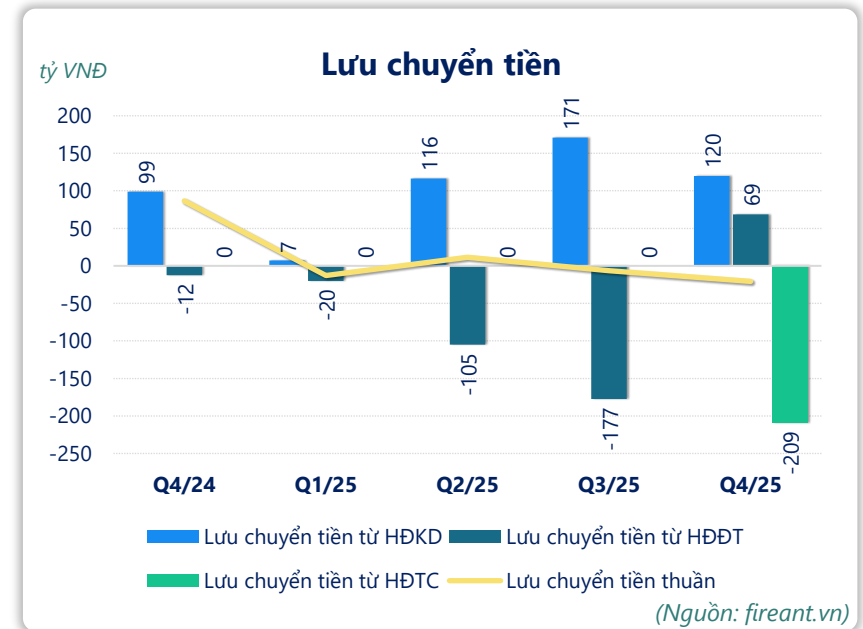
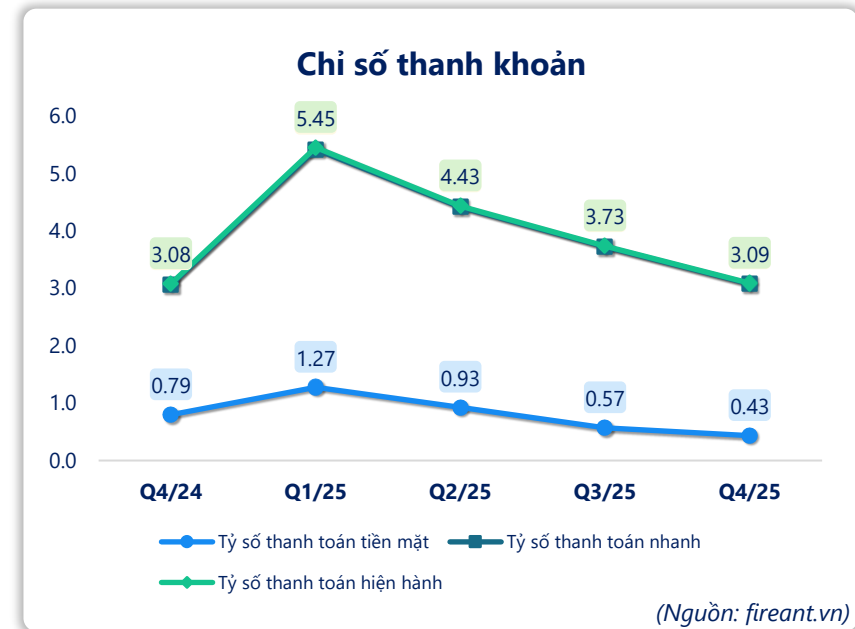
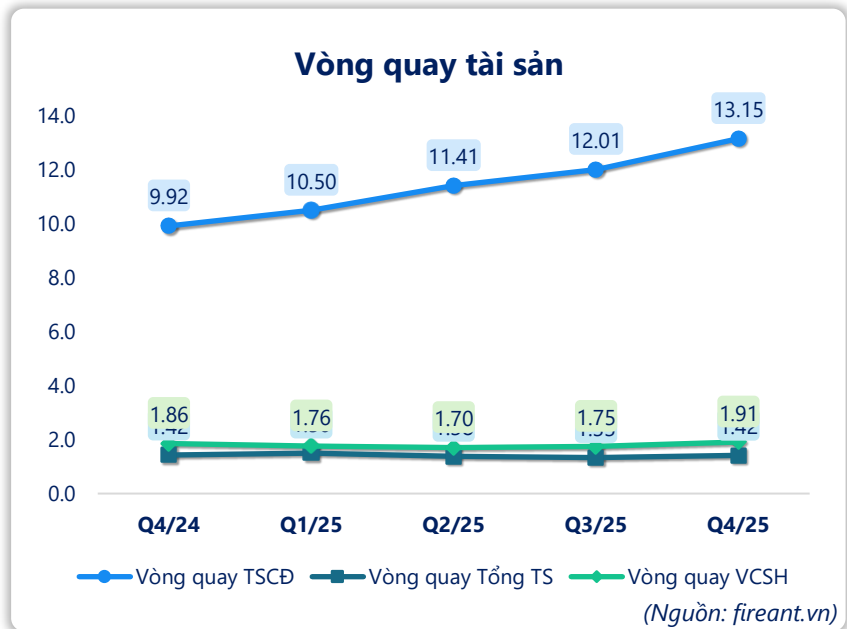
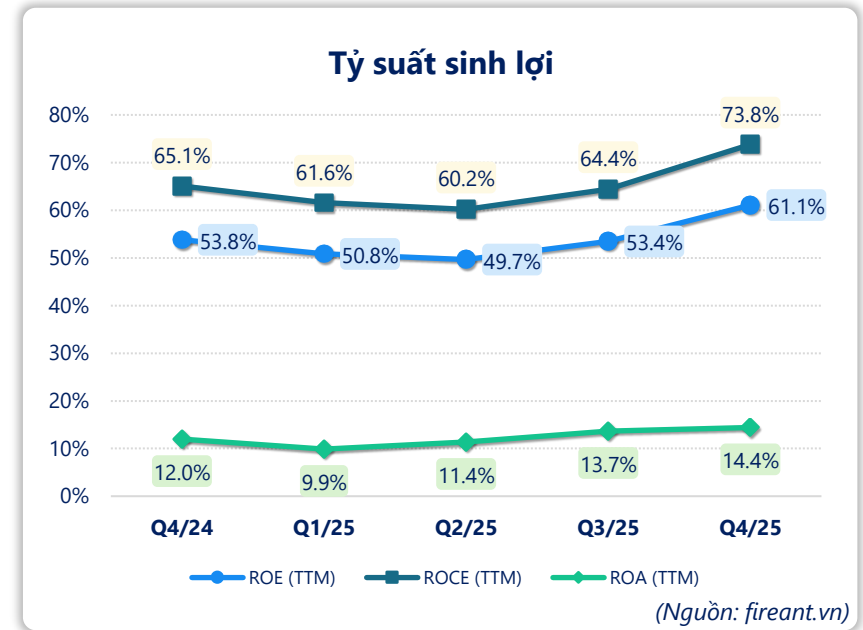
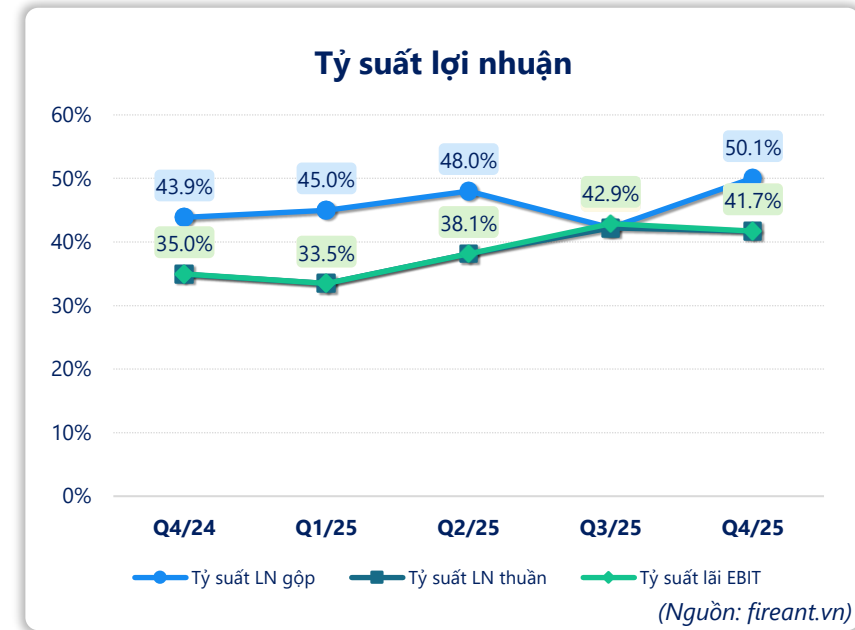
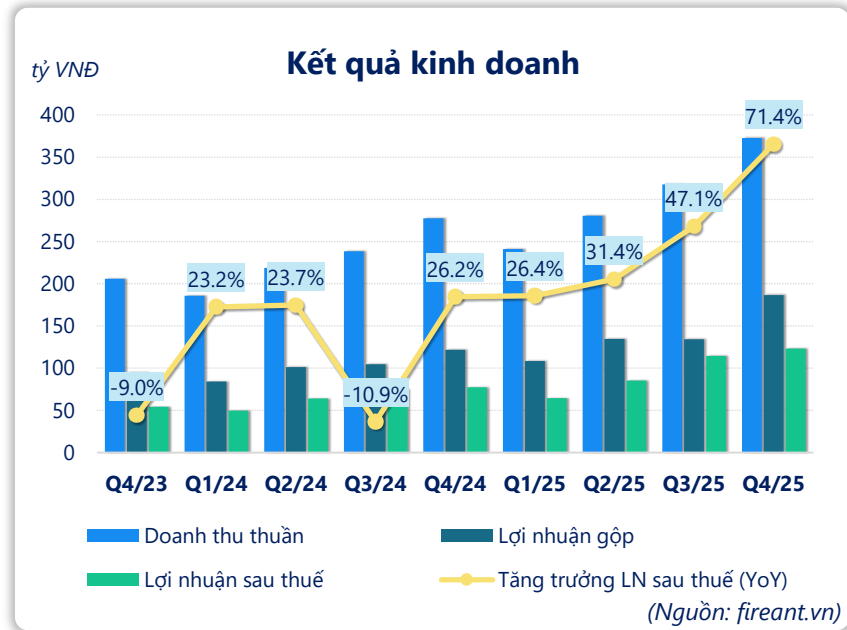


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		89,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		108,084
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		87,910
SL cổ phiếu LH		26,165,732
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,998
% sở hữu nước ngoài		14.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,347
P/E		6.1
EPS		14,809

	YTD	1T	3T	6T
NCT	-15.9%	-5.0%	-7.3%	-11.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	970	741	30.9%
Tài sản ngắn hạn	751	519	44.7%
Tiền và tương đương tiền	105	134	-21.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	530	306	73.1%
Phải thu ngắn hạn	109	74.8	46.3%
Hàng tồn kho	2.58	3.16	-18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.21	0.38	748%
Tài sản dài hạn	219	222	-1.5%
Phải thu dài hạn	1.15	1.07	7.5%
Tài sản cố định	93.1	91.2	2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.7	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.0	65.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	41.8	64.8	-35.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	259	183	42.1%
Nợ ngắn hạn	243	168	44.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	59.6	28.5	109%
Nợ dài hạn	16.0	14.1	13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	710	558	27.2%
Vốn chủ sở hữu	710	558	27.2%
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	278	241	280	318	373
Giá vốn hàng bán	156	133	146	183	186
Lợi nhuận gộp	122	109	135	134	187
Doanh thu HĐTC	3.32	3.31	5.06	31.9	9.41
Chi phí TC	0.02	0.02	0.03	0.03	0.06
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.96	5.19	6.31	5.20	9.90
Chi phí QLDN	20.2	25.9	26.5	26.8	30.5
LN thuần từ HĐKD	96.9	80.7	107	134	155
Lợi nhuận khác	0.09	0.00	-0.02	2.13	-0.12
LN trước thuế	97.0	80.7	107	136	155
Lợi nhuận sau thuế	77.2	64.4	85.4	114	123
LNST của CĐ cty mẹ	77.2	64.4	85.4	114	123

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	98.8	7.12	116	171	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.2	-20.2	-105	-177	68.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-209
Tiền đầu kỳ	47.6	134	122	133	126
Lưu chuyển tiền thuần	86.5	-13.1	11.4	-6.54	-20.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.69	-0.22	-0.27	-0.19
Tiền cuối kỳ	134	122	133	126	105

(Nguồn: fireant.vn)